**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ ÔN TẬP TẠI NHÀ TUẦN 4**

**MÔN: SINH HỌC 11**

**ĐỀ SỐ 1**

Câu 1. Thoát hơi nước qua lá bằng con đường

A. qua khí khổng, mô giậu B. qua khí khổng, cutin

C. qua cutin, biểu bì. D. qua cutin, mô giậu

Câu 2. Nguyên tố nào sau đây là thành phần của diệp lục, tham gia hoạt hóa enzim, khi thiếu nó lá có màu vàng?

A. Nitơ. B. Magiê. C. Clo. D. Sắt.

Câu 3. Nước được vận chuyển ở thân chủ yếu:

A. qua mạch rây theo chiều từ trên xuống. B. từ mạch gỗ sang mạch rây.

C. từ mạch rây sang mạch gỗ. D. qua mạch gỗ.

Câu 4: Con đường thoát hơi nước qua khí khổng có đặc điểm

A. vận tốc lớn, được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.

B. vận tốc nhỏ, được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.

C. vận tốc lớn, không được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.

D. vận tốc nhỏ, không được điều chỉnh.

Câu 5. Thoát hơi nước có những vai trò nào sau đây?

(1) Tạo lực hút đầu trên.

(2) Giúp hạ nhiệt độ của lá cây vào nhưng ngày nắng nóng.

(3) Khí khổng mở cho CO2 khuếch tán vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.

(4) Giải phóng O2 giúp điều hòa không khí.

Phương án trả lời đúng là:

A. (1), (3) và (4).

B. (1), (2) và (3).

C. (2), (3) và (4).

D. (1), (2) và (4).

Câu 6. Các nguyên tố vi lượng gồm:

A. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Fe.

B. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.

C. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mn.

D. Fe, Mn, B, Cl, Zn, Cu, Mo, Ni.

Câu 7. Trong quá trình quang hợp của thực vật, pha sáng cung cấp cho pha tối các sản phẩm:

A. ATP và NADPH.

B. CO2 và H2O.

C. O2 và H2O.

D. O2, ATP, NADPH và ánh sáng.

Câu 8. Những cây thuộc nhóm thực vật C3

A. lúa, khoai, sắn, đậu xanh.

B. rau dền, kê, các loại rau, xương rồng.

C. dứa, xương rồng, thuốc bỏng.

D. mía, ngô, cỏ lồng vực, cỏ gấu, rau dền.

Câu 9. Ý nào dưới đây không đúng với sự giống nhau giữa thực vật CAM và thực vật C4 khi cố định CO2?

A. tiến trình gồm 2 giai đoạn.

B. đều diễn ra vào ban ngày.

C. sản phẩm quang hợp đầu tiên.

D. chất nhận CO2.

Câu 10. Khi nói về quang hợp ở thực vật C4 có bao nhiêu phát biểu đúng?

(1) Thực vật C4 phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới như ngô, mía, cỏ gấu, rau dền, cỏ lồng vực,…

(2)Quá trình cố định CO2 xảy ra 2 lần.

(3) Chất nhận CO2 đầu tiên trong pha tối là Photphoenolpiruvat.

(4)Sản phẩm chất hữu cơ đầu tiên trong pha tối là hợp chất 4C (Axit ôxalôaxêtic).

(5) Có 2 loại lục lạp là lục lạp ở tế bào mô giậu và lục lạp ở tế bào bao bó mạch thực hiện.

(6) Xảy ra giai đoạn C4 kết hợp với chu trình Canvin.

Phương án trả lời: A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 11. Hô hấp sáng xảy ra với sự tham gia của 3 bào quan nào?

A. lục lạp, lizôxôm, ty thể

B. lục lạp, perôxixôm, ty thể

C. lục lạp, bộ máy gôngi, ty thể

D. lục lạp, ribôxôm, ty thể

Câu 12. Hô hấp sáng xảy ra trong điều kiện

A. CO2 cạn kiệt, O2 tích lũy nhiều

B. O2 cạn kiệt, CO2 tích lũy nhiều

C. cường độ ánh sáng cao, O2 cạn kiệt

D. cường độ ánh sáng thấp, CO2 tích lũy nhiều

Câu 13. Nội dung nào sau đây nói *không* đúng về mối quan hệ giữa hô hấp và môi trường ngoài?

A. nhiệt độ tăng đến nhiệt độ tối ưu thì cường độ hô hấp tăng

B. cường độ hô hấp tỉ lệ thuận với hàm lượng nước

C. cường độ hô hấp tỉ lệ nghịch với nồng độ CO2

D. cường độ hô hấp tỉ lệ nghịch với nồng độ O2.

Câu 14. Để so sánh tốc độ thoát hơi nước ở 2 mặt của lá người ta tiến hành làm các thao tác như sau:

(1) Dùng cặp gỗ hoặc cặp nhựa kẹp ép 2 tấm kính vào 2 miếng giấy này ở cả 2 mặt của lá tạo thành hệ thống kín

(2) Bấm giây đồng hồ để so sánh thời gian giấy chuyển màu từ xanh da trời sang hồng

(3) Dùng 2 miếng giấy lọc có tẩm coban clorua đã sấy khô (màu xanh da trời) đặt đối xứng nhau qua 2 mặt của lá

(4) So sánh diện tích giấy có màu hồng ở mặt trên và mặt dưới của lá trong cùng thời gian.

Các thao tác tiến hành theo trình tự đúng là

A. (1) → (2) → (3) → (4)

B. (2) → (3) → (1) → (4)

C. (3) → (2) → (1) → (4)

D. (3) → (1) → (2) → (4)

Câu 15. Chất tách ra khỏi chu trình Canvin khởi đầu cho tổng hợp glucozo là

A. APG (axit phôtphoglixêric)

B. RiDP (ribulôzơ-1,5-điphôtphat)

C. AlPG (anđêhit photphoglixêric)

D. AM (axit malic)

Câu 16: Sản phẩm của sự phân giải kị khí (lên men) từ axit piruvic là:

A. rượu êtylic + CO2 + năng lượng

B. axit lactic + CO2 + năng lượng

C. rượu êtylic + năng lượng

D. rượu êtylic + CO2

Câu 17. Điều nào sau đây đúng khi nói về cơ quan tiêu hóa dạng ống?

A. enzim tiêu hóa được bài tiết từ lizôxôm

B. hoạt động tiêu hóa thức ăn chỉ xảy ra theo phương thức tiêu hóa ngoại bào

C. ống tiêu hóa thông với môi trường qua một lỗ vừa nhận thức ăn, vừa thải bã

D. các tế bào bài tiết dịch tiêu hóa luôn nằm ngay trên thành của ống tiêu hóa

Câu 18. Thứ tự các bộ phận trong ống tiêu hóa cùa người

A. miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn

B. miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → hậu môn

C. miệng → ruột non → dạ dày → hầu → ruột già → hậu môn

D. miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn

Câu 19. Dạ dày ở những động vật ăn thực vật nào có bốn ngăn?

A. ngựa, thỏ, chuột, trâu, bò

B. ngựa, thỏ, chuột

C. ngựa, thỏ, chuột, cừu, dê

D. trâu, bò, cừu, dê

Câu 20. Vì sao ruột non của người được xem là nơi xảy ra quá trình tiêu hóa hóa học mạnh nhất so với các bộ phận khác của ống tiêu hóa?

A. ruột non nhận nhiều dịch tiêu hóa của gan, tụy và tuyến ruột.

B. ruột non xảy ra quá trình hấp thụ chất dinh dưỡng.

C. ruột non là đoạn dài nhất của ống tiêu hóa.

D. ruột non chứa nhiều enzim có tác dụng phân giải hầu hết các loại thức ăn.

Câu 21. Sự thông khí trong các ống khí của côn trùng thực hiện được là nhờ:

A. Sự vận động của cánh.

B. sự nhu động của hệ tiêu hóa.

C. sự di chuyển của chân.

D. sự co dãn của phần bụng.

Câu 22. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về đặc điểm khí ở phổi của chim?

(1) giàu oxi cả khi cơ thể hít vào và thở ra.

(2) các túi khí phía trước phổi chứa khí nghèo oxi và giàu CO2.

(3) các túi khí phía sau phổi chứa khí nghèo CO2 và giàu oxi.

(4) giàu CO2 cả khi cơ thể hít vào và thở ra.

Các phát biểu không đúng là: A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 23. Hệ tuần hoàn hở có ở động vật:

A. đa số động vật thân mềm và chân khớp.

B. các loài cá sụn và cá xương.

C. động vật đa bào cơ thể nhỏ và dẹp.

D. động vật đơn bào.

Câu 24. Ở người trưởng thành, chứng huyết áp thấp biểu hiện khi:

A. huyết áp cực đại < 80mmHg.

B. huyết áp cực đại < 60mmHg.

C. huyết áp cực đại < 70mmHg.

D. huyết áp cực đại < 90mmHg.

Câu 25. Vì sao ở người già, khi huyết áp cao dễ bị xuất huyết não?

A. vì mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

B. vì mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

C. vì mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

D. vì thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém đặc biệt là các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

Câu 26. Cân bằng nội môi là duy trì trạng thái ổn định của môi trường.....

A. trong tế bào. B. trong mô. C. trong cơ quan. D. trong cơ thể.

Câu 27. Thứ tự nào sau đây đúng với chu kì hoạt động của tim?

A. pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha giãn chung (0,4s) → pha tâm thất (0,3s).

B. pha co tâm nhĩ (0,1s)→ pha co tâm thất (0,3s) → pha giãn chung (0,4s).

C. pha co tâm thất (0,3s) → pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha giãn chung (0,4s).

D. pha giãn chung (0,4s) → pha co tâm thất (0,3s) → pha co tâm nhĩ (0,1s).

Câu 28. Khi lượng nước trong cơ thể tăng lên so với bình thường, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. áp suất thẩm thấu giảm, huyết áp tăng

B. áp suất thẩm thấu tăng, huyết áp tăng

C. áp suất thẩm thấu giảm, huyết áp giảm

D. áp suất thẩm thấu tăng, huyết áp giảm

Câu 29. Nhóm động vật có tim 4 ngăn, máu không bị pha trộn?

A. Bò sát. B. Chim, thú. C. Cá. D. Lưỡng cư.

Câu 30. Ở động vật có xương sống, sự trao đổi khí còn được hỗ trợ của các động tác và hoạt động cơ thể, có bao nhiêu phát biểu đúng?

(1) Cá có cơ quan tạo dòng nước luôn di chuyển qua mang giúp sự trao đổi khí thực hiện dễ dàng.

(2) Ở ếch, sự vận chuyển của không khí nhờ cử động nâng lên hạ xuống của thềm miệng.

(3) Ở chim, hoạt động nhịp nhàng của đôi cánh khi bay làm thay đổi thể tích các túi khí giúp trao đổi khí thuận lợi.

(4) Ở thú, có sự tham gia của cơ hoành nằm giữa khoang ngực và khoang bụng.

Các phát biểu đúng là: A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**ĐỀ SỐ 2**

**Câu 1:** Thoát hơi nước ở lá có những vai trò nào trong các vai trò sau đây ?

(1) Tạo lực hút nước đầu trên.

(2) Giúp hạ nhiệt độ của lá cây vào nhưng ngày nắng nóng.

(3) Tạo điều kiện cho khí khổng mở để CO2 khuếch tán vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.

(4) Tạo ra O2 giúp điều hòa không khí.

Phương án trả lời ***đúng*** là :

**A.** (2), (3) và (4). **B.** (1), (2) và (4). **C.** (1), (2) và (3). **D.** (1), (3) và (4).

**Câu 2:** Một bệnh nhân khi xét nghiệm máu, người ta thấy nồng độ glucôzơ trong máu thấp. Giải thích nào sau đây nhiều khả năng đúng nhất?

**A.** Bệnh nhân đã uống một lượng lớn nước ngọt trên đường đến bệnh viện.

**B.** Do đo sai lượng hoocmôn.

**C.** Bệnh nhân đã không ăn gì vài giờ đồng hồ trước đó.

**D.** Bệnh nhân mắc bệnh đái tháo đường.

**Câu 3:** Vận động khép lá ở cây trinh nữ khi bị kích thích có cơ chế giống với vận động nào sau đây?

**A.** Bắt mồi ở cây gọng vó. **B.** Rễ cây mọc về phía nguồn nước.

**C.** Mở cánh hoa của cây họ cúc. **D.** Quấn vòng của tua cuốn.

**Câu 4:** Vì sao sau khi bón phân, cây sẽ khó hấp thụ nước?

**A.** Vì áp suất thẩm thấu của đất tăng. **B.** Vì áp suất thẩm thấu của đất giảm.

**C.** Vì áp suất thẩm thấu của rễ tăng. **D.** Vì áp suất thẩm thấu của rễ giảm.

**Câu 5:** Trong hệ mạch kín, máu trao đổi chất với các tế bào của các cơ quan ở

**A.** thành tĩnh mạch. **B.** thành mao mạch. **C.** thành phế nang. **D.** thành động mạch.

**Câu 6:** Cân bằng nội môi là:

**A.** Duy trì sự ổn định của môi trường trong tế bào.

**B.** Duy trì sự ổn định của môi trường trong mô.

**C.** Duy trì sự ổn định của môi trường trong cơ thể.

**D.** Duy trì sự ổn định của môi trường trong cơ quan.

**Câu 7:** Cho các đặc điểm sau về hô hấp của động vật

(1) Cơ quan hô hấp các đặc điểm: bề mặt mỏng, rộng, ẩm ướt, có nhiều mao mạch máu, máu có sắc tố hô hấp là hemoxianin và có sự lưu thông khí  
 (2) Động tác đóng mở nắp mang nhịp nhàng giúp cho dòng nước chỉ đi qua các lá mang theo một chiều   
 (3) Dòng nước và dòng máu qua các lá mang chảy song song và ngược chiều nhau

(4) Có sự hỗ trợ của hệ thống túi khí trước và sau

Có bao nhiêu đặc điểm ***đúng*** khi nói về hô hấp của cá xương?

**A.** 3 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 1

**Câu 8:** Trong dạ dày của động vật nhai lại, vi sinh vật cộng sinh tiết ra enzim tiêu hoá xenlulôzơ chủ yếu ở đâu?

**A.** Dạ lá sách . **B.** Dạ tổ ong. **C.** Dạ cỏ . **D.** Dạ múi khế.

**Câu 9:** Khi nói về ảnh hưởng của các nhân tố môi trường đến quá trình quang hợp ở thực vật, phát biểu nào sau đây **sai?**

**A.** Quang hợp bị giảm mạnh và có thể bị ngừng trệ khi cây bị thiếu nước.

**B.** Cường độ quang hợp luôn tỉ lệ thuận với cường độ ánh sáng.

**C.** Nhiệt độ ảnh hưởng đến quang hợp thông qua ảnh hưởng đến các phản ứng enzim trong quang hợp.

**D.** CO2 ảnh hưởng đến quang hợp vì CO2 là nguyên liệu của pha tối.

**Câu 10:** Thực vật C4 có năng suất sinh học cao hơn thực vật C3 vì

**A.** tận dụng được nồng độ CO2. **B.** tận dụng được ánh sáng cao.

**C.** nhu cầu nước thấp **D.** không có hô hấp sáng.

**Câu 11:** Cho các nhận định sau:

(1) Các loài tôm, mực ống, ốc sên có hệ tuần hoàn hở

(2) Hệ tuần hoàn hở giữa mạch đi từ tim (động mạch) và các mạch đến tim (tĩnh mạch) không có mạch nối.

(3) Ở lưỡng cư và bò sát (trừ cá sấu) máu có sự pha trộn do trong hệ mạch của chúng không có mao mạch

(4) Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao, tốc độ máu chảy nhanh thường gặp ở chim, thú.

Có bao nhiêu nhận định là đúng khi nói về tuần hoàn của động vật?

**A.** 3 **B.** 4 **C.** 1 **D.** 2

**Câu 12:** Có thể sử dụng hóa chất nào sau đây để phát hiện quá trình hô hấp ở thực vật thải ra khí CO2?

**A.** Dung dịch Ca(OH)2. **B.** Dung dịch NaCl. **C.** Dung dịch KCl. **D.** Dung dịch H2SO4.

**Câu 13:** Pha tối quang hợp ở thực vật C3, C4  và CAM giống nhau ở điểm

**A.** đều có chu trình Canvin. **B.** chỉ diễn ra ở tế bào mô giậu của lá.

**C.** có chất nhận CO2  đầu tiên là RiDP( ribulôzơ - 1,5- điphôtphat)

**D.** sản phẩm cố định CO2 đầu tiên là APG ( axit phôtphoglixêric).

**Câu 14:** Trong các phát biểu sau:

(1) Động vật ăn các loại thức ăn khác nhau có ống tiêu hóa biến đổi thích nghi với thức ăn.

(2) Thú ăn thịt có răng nanh, răng trước hàm và răng ăn thịt phát triển, ruột ngắn.

(3) Manh tràng rất phát triển ở thú ăn thực vật có dạ dày đơn.

(4) Thú ăn thực vật có răng dùng để nhai, nghiền thức ăn phát triển

(5) Ở động vật nhai lại, thành xenlulozơ của thực vật được tiêu hóa hóa học nhờ enzim tiết ra từ ống tiêu hóa.

(6) Một số loài thú ăn thịt có dạ dày đơn.

Có bao nhiêu phát biểu ***đúng*** khi nói về tiêu hóa ở thú ăn thịt và thú ăn thực vật?

**A.** 2 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 3

**Câu 15:** Sắc tố tham gia trực tiếp vào chuyển hoá quang năng thành hoá năng trong sản phẩm quang hợp của cây xanh là

**A.** xantophyl. **B.** diệp lục a. **C.** diệp lục b . **D.** caroten.

**Câu 16:** Các nếp gấp của niêm mạc ruột, trên đó có các lông ruột và các lông cực nhỏ có tác dụng gì?

**A.** Làm tăng nhu động ruột. **B.** Làm tăng bề mặt hấp thụ.

**C.** Tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu hoá hoá học. **D.** Tạo điều kiện cho tiêu hoá cơ học.

**Câu 17:** Trong các phát biểu sau:

(1) Cung cấp nguồn chất hữu cơ làm thức ăn cho sinh vật dị dưỡng.

(2) Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, dược liệu cho Y học.

(3) Cung cấp năng lượng duy trì hoạt động sống của sinh giới.

(4) Điều hòa trực tiếp lượng nước trong khí quyển.

(5) Hấp thụ O2 và thải CO2 điều hòa không khí.

Có bao nhiêu phát biểu ***đúng*** về vai trò của quang hợp ?

**A.** 5. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 3.

**Câu 18:** Điểm bão hòa ánh sáng là cường độ ánh sáng tối đa để cường độ quang hợp đạt

**A.** cực đại. **B.** bằng mức hô hấp. **C.** cực tiểu. **D.** mức trung bình.

**Câu 19:** .Khi nói về hoạt động của hệ tuần hoàn ở thú, phát biểu nào sau đây ***sai*** ?

**A.** Khi tâm thất trái co, máu từ tâm thất trái được đẩy vào động mạch phổi.

**B.** Tim co dãn tự động theo chu kì là nhờ hệ dẫn truyền tim.

**C.** Khi tâm nhĩ co, máu được đẩy từ tâm nhĩ xuống tâm thất.

**D.** Loài có khối lượng cơ thể lớn có số nhịp tim/phút ít hơn loài có khối lượng cơ thể nhỏ.

**Câu 20:** Yếu tố nào dưới đây **không** phải là tác nhân chủ yếu ảnh hưởng đến quá trình thoát hơi nước của lá ?

**A.** Nhiệt độ. **B.** Ánh sáng. **C.** Độ pH của đất. **D.** Nước.

**Câu 21:** Cây hấp thụ nitơ ở dạng

**A.** N2+, NO-3 . **B.** NH4-, NO+3 **C.** N2+, NH3+ **D.** NH4+, NO3-

**Câu 22:** Tim có khả năng co giãn tự động theo chu kì là nhờ

**A.** hệ dẫn truyền tim. **B.** hệ cơ tim. **C.** hệ mạch máu. **D.** hệ bạch huyết.

**Câu 23:** Câu ca dao:“Lúa chiêm lấp ló đầu bờ

Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên” ***Đề cập đến quá trình***

**A.** chuyển hóa NH4+ thành NO3- **B.** cố định nitơ phân tử.

**C.** chuyển hoá nitơ hữu cơ thành NH4+ **D.** đồng hoá nitơ trong mô thực vật .

**Câu 24:** Vì sao ở lưỡng cư và bò sát (trừ cá sấu) có sự pha máu?

**A.** Vì không có vách ngăn giữa tâm nhĩ và tâm thất

**B.** Vì không có mao mạch nối giữa động mạch và tĩnh mạch

**C.** Vì tim có 3 ngăn hay 4 ngăn nhưng vách ngăn ở tâm nhĩ không hoàn toàn

**D.** Vì tim có 3 ngăn hay 4 ngăn nhưng vách ngăn ở tâm thất không hoàn toàn

**Câu 25:** Người ta tiến hành thí nghiệm trồng 2 cây A và B (thuộc hai loài khác nhau) trong một nhà kính. Khi tăng cường độ chiếu sáng và tăng nhiệt độ trong nhà kính thì cường độ quang hợp của cây A giảm nhưng cường độ quang hợp của cây B không thay đổi.

Những điều nào sau đây nói lên được mục đích của thí nghiệm và giải thích đúng mục đích đó?

(1) Mục đích của thí nghiệm là nhằm phân biệt cây C3 và C4.

(2) Khi nhiệt độ và cường độ ánh sáng tăng làm cho cây A phải đóng khí khổng để chống mất nước nên xảy ra hô hấp sáng làm giảm cường độ quang hợp

(3) Mục đích của thí nghiệm có thể nhằm xác định khả năng chịu nhiệt của cây A và B.

(4) Cây B là thực vật C4 chịu được điều kiện ánh sáng mạnh và nhiệt độ cao nên không xảy ra hô hấp sáng. Vì thế, cường độ quang hợp của nó không bị giảm.

***Phương án trả lời đúng là:***

**A.** (2), (3) và (4) . **B.** (1), (2) và (3). **C.** (1) , (3) và (4). **D.** (1), (2) và (4).

**Câu 26:** Trao đổi khí bằng hệ thống ống khí là hình thức hô hấp của

**A.** châu chấu **B.** ếch nhái **C.** giun đất **D.** chim

**Câu 27:** Trong đất, hoạt động của loại vi khuẩn nào sau đây ***không*** có lợi cho cây?

**A.** Vi khuẩn nitrat hóa. **B.** Vi khuẩn phản nitrat hóa.

**C.** Vi khuẩn cố định đạm. **D.** Vi khuẩn amon hóa.

**Câu 28:** Cảm ứng ở thực vật gồm các hình thức:

**A.** Vận động định hướng và vận động cảm ứng. **B.** Ứng động sinh trưởng và ứng động sinh trưởng.

**C.** Hướng sáng và hướng trọng lực. **D.** Hướng dương và hướng âm

**Câu 29:** Các chất khoáng được hấp thụ ở rễ cây theo cơ chế chủ động diễn ra theo phương thức

**A.** vận chuyển từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, không tiêu tốn năng lượng.

**B.** vận chuyển từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao không cần tiêu tốn năng lượng.

**C.** vận chuyển từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, tiêu tốn năng lượng.

**D.** vận chuyển từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, tiêu tốn năng lượng.

**Câu 30:** Vì sao ở người già, khi huyết áp cao dễ bị xuất huyết não?

**A.** Vì mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

**B.** Vì mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

**C.** Vì mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

**D.** Vì thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém đặc biệt là các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

--

- **ĐỀ SỐ 3**

**Câu 1.** Các ngành động vật nào sau đây thực hiện trao đổi khí trực tiếp với môi trường qua bề mặt cơ thể?

A. Giun tròn, ruột khoang, giun đốt. B. Chân khớp, giun tròn, thân mềm.

C. Ruột khoang, thân mềm, chân khớp. D. Giun đốt, chân khớp, thân mềm.

**Câu** **2**. Câu nào dưới đây xếp đúng theo trật tự giảm dần nồng độ ôxi?

A. Các mô tế bào, không khí thở vào, máu rời phổi đi.

B. Không khí thở vào, máu rời phổi đi, các mô tế bào

C. Máu rời phổi đi, không khí thở vào, các mô tế bào.

D. Không khí thở vào, các mô tế bào, máu rời phổi đi.

**Câu** 3.Khí ở phổi của chim có đặc điểm nào sau đây?

A. Giàu ôxi khi cơ thể hít vào. B. Giàu CO2 khi cơ thể thở ra.

C. Giàu ôxi cả khi cơ thể hít vào và khi cơ thể thở ra.

D. Giàu CO2 cả khi cơ thể hít vào và khi cơ thể thở ra.

**Câu** 4. Ý nào dưới đây **không đúng** với đặc điểm trao đổi khí ở động vật?

A. Có sự lưu thông khí tạo ra sự cân bằng về nồng độ khí O2 và CO2 để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.

B. Có sự lưu thông khí tạo ra sự chênh lệch về nồng độ khí O2 và CO2 để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.

C. Bề mặt trao đổi khí mỏng và ẩm ướt giúp O2 và CO­2 dễ dàng khuếch tán qua.

D. Bề mặt trao đổi khí rộng và có nhiều mao mạch và máu có sắc tố hô hấp.

**Câu** 5. Lớp động vật nào sau đây có hình thức hô hấp khác hẳn với các lớp động vật còn lại?

A. Cá B. Chim C. Bò sát D. Thú

**Câu** 6. Vì sao mang cá xương có diện tích bề mặt trao đổi khí lớn?

A. Vì mang có kích thước lớn.

B. Vì có nhiều cung mang.

C. Vì mang có nhiều cung mang và mỗi cung mang gồm nhiều phiến mang.

D. Vì mang có nhiều phiến mang và mỗi phiến mang gồm nhiều cung mang.

**Câu 7.** Động vật nào có hệ tuần hoàn hở?

A. Cá. B. Khỉ. C. Chim. D. Sứa.

**Câu 8.** Tôm, cua, trai, sò, hến có hệ tuần hoàn

A. kín. B. hở. C. đơn. D. kép.

**Câu 9.** Cấu tạo hệ tuần hoàn kín gồm:

A. tim, động mạch, khoang cơ thể, tĩnh mạch. B. động mạch, tĩnh mạch.

C. hệ mạch. D. tim, động mạch, mao mạch, tĩnh mạch.

**Câu 10.** Cho các nhóm động vật:

1. Có xương sống 2. Mực ống, bạch tuộc, giun đốt

3. Một số thân mềm và chân khớp 4. Mực ống, giun đốt, chân khớp

5. Động vật dưới nước 6. Động vật trên cạn

Có bao nhiêu nhóm động vật có hệ tuần hoàn kín?

A. 4. B. 5. C. 3. D. 2.

**Câu 11.** Đặc điểm của hệ tuần hoàn kín:

1. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực thấp.

2. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao hoặc trung bình

3. Máu chứa sắc tố hô hấp hêmôxianin.

4. Máu đi về tim trong mạch hở.

5. Máu chảy trong động mạch với tốc độ nhanh.

Phương án đúng là:

A. 1, 3. B. 2, 4. C. 2, 5. D. 1, 5.

**Câu 12.** Cho các đặc điểm sau:

1. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao.

2. Tốc độ máu chảy chậm, máu đi xa được.

3. Phân phối máu đến các cơ quan chậm.

4. Điều hòa và phân phối máu đến các cơ quan nhanh nên đáp ứng được được nhu cầu trao đổi khí và trao đổi chất cao.

Phương án đúng về ưu điểm của hệ tuần hoàn kín so với hệ tuần hoàn hở là:

A. 1, 4. B. 2, 4. C. 2, 3. D.1, 3.

**Câu 13.** Khả năng co giãn tự động theo chu kỳ của tim được gọi là gì?

A. Tính tự động của tim. B. Tính chu kỳ của tim.

C. Tính hoạt động của tim. D. Tính dẫn truyền của tim.

**Câu 14.** Trong hệ dẫn truyền tim, xung điện phát và truyền theo trật tự:

A. nút xoang nhĩ -> nút nhĩ thất-> bó His -> mạng lưới Puockin.

B. nút xoang nhĩ -> bó His -> nút nhĩ thất -> mạng lưới Puockin.

C. nút xoang nhĩ -> nút nhĩ thất -> mạng lưới Puockin -> bó His.

D. nút xoang nhĩ -> mạng lưới Puockin -> nút nhĩ thất -> bó His.

**Câu 15.** Thời gian hoạt động của mỗi pha trong một chu kỳ tim lần lượt là

A. pha co tâm nhĩ: 0.1 giây, pha co tâm thất: 0.3 giây, pha dãn chung: 0.4 giây.

B. pha co tâm nhĩ: 0.3 giây, pha co tâm thất: 0.1 giây, pha dãn chung: 0.4 giây.

C. pha co tâm nhĩ: 0.4 giây, pha co tâm thất: 0.3 giây, pha dãn chung: 0.1 giây.

D. pha co tâm nhĩ: 0.3 giây, pha co tâm thất: 0.4 giây, pha dãn chung: 0.1 giây.

**Câu 16.** Huyết áp là gì?

A. Áp lực dòng máu khi tâm thất co.

B. Áp lực dòng máu khi tâm thất dãn.

C. Áp lực dòng máu tác dụng lên thành mạch.

D. Do sự ma sát giữa máu và thành mạch.

**Câu 17.** Nhịp tim của người bình thường là bao nhiêu?

A. 95 lần/ phút. B. 85 lần/ phút. C. 75 lần/ phút. D. 65 lần/ phút.

**Câu 18.** Ở người bình thường có huyết áp tâm thu và tâm trương lần lượt là bao nhiêu ?

A. 100 – 110mmHg, 60 – 70mmHg.

B. 110 – 120mmHg, 70 – 80mmHg.

C. 100 – 110mmHg, 70 – 80mmHg.

D. 110 – 120mmHg, 60 – 70mmHg.

**Câu 19.** Nguyên nhân gây tăng huyết áp ở người do:

(1) Nhịp tim tăng.

(2) Độ quánh của máu tăng, xơ vữa động mạch.

(3) Vận tốc máu chảy chậm.

(4) Tuổi cao, di truyền, chế độ ăn, bệnh lí.

Số phương án đúng: A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 20.** Cơ tim hoạt động theo quy luật “tất cả hoặc không có gì” có nghĩa là gì ?

A. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co tối đa.

B. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim co bóp nhẹ, nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co tối đa.

C. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co bóp bình thường.

D. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ trên ngưỡng, cơ tim không co bóp.

**Câu 21.** Cơ chế duy trì cân bằng nội môi diễn ra theo trật tự nào?

A. Bộ phận tiếp nhận kích thích 🡪 Bộ phận điều khiển 🡪 Bộ phận thực hiện 🡪 Bộ phận tiếp nhận kích thích.

B. Bộ phận điều khiển 🡪 Bộ phận tiếp nhận kích thích 🡪 Bộ phận thực hiện 🡪 Bộ phận tiếp nhận kích thích.

C. Bộ phận tiếp nhận kích thích 🡪 Bộ phận thực hiện 🡪 Bộ phận điều khiển 🡪 Bộ phận tiếp nhận kích thích.

D. Bộ phận thực hiện 🡪Bộ phận tiếp nhận kích thích 🡪 Bộ phận điều khiển 🡪 Bộ phận tiếp nhận kích thích.

**Câu 22.** Liên hệ ngược là sự thay đổi bất thường về điều kiện lý hoá ở môi trường trong

A. sau khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

B. trước khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

C. trở về bình thường sau khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

D. trở về bình thường trước khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

**Câu 23.** Bộ phận tiếp nhận kích thích trong cơ chế duy trì cân bằng nội là

A. trung ương thần kinh hoặc tuyến nội tiết.

B. cơ quan sinh sản. C. thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.

D. các cơ quan dinh dưỡng như: thận, gan, tim, mạch máu…

**Câu 24.** Cho các hiện tượng:

I. Cây luôn vươn về phía có ánh sáng.

II. Rễ cây luôn mọc hướng đất và mọc vươn đến nguồn nước, nguồn phân bón.

III. Cây trinh nữ xếp lá khi va chạm.

IV. Rễ cây mọc tránh chất gây độc.

Hiện tượng **không** thuộc hướng động là

A. I, II. B. III. C. IV. D. I, IV.

**Câu 25.** Bộ phận điều khiển trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi là

A. trung ương thần kinh hoặc tuyến nội tiết.

B. các cơ quan dinh dưỡng như: thận, gan, tim, mạch máu…

C. thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm. D. cơ quan sinh sản.

**Câu 26.** Cơ sở của sự uốn cong trong hướng tiếp xúc là:

A. Do sự sinh trưởng không đều của hai phía cơ quan, trong đó các tế bào ở phía không được tiếp xúc sinh trưởng nhanh hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc.  
B. Do sự sinh trưởng đều của hai phía cơ quan, trong đó các tế bào ở phía không được tiếp xúc sinh trưởng nhanh hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc.

C. Do sự sinh trưởng không đều của hai phía cơ quan, trong đó các tế bào ở phía được tiếp xúc sinh trưởng nhanh hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc.

D. Do sự sinh trưởng không đều của hai phía cơ quan, trong đó các tế bào ở phía không được tiếp xúc sinh trưởng chậm hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc.

**Câu 27.** Thận có vai trò quan trọng trong cơ chế cân bằng nội môi nào?

A. Điều hoà huyết áp.

B. Điều hòa nồng độ glucôzơ trong máu.

C. Điều hoà áp suất thẩm thấu.

D. Điều hoá huyết áp và áp suất thẩm thấu.

**Câu 28.** Cơ chế điều hoà hàm lượng glucôzơ trong máu giảm diễn ra theo trật tự nào?

A. Tuyến tuỵ 🡪 Glucagôn 🡪 Gan 🡪 Glicôgen 🡪 Glucôzơ trong máu tăng.

B. Gan 🡪 Glucagôn 🡪 Tuyến tuỵ 🡪 Glicôgen 🡪 Glucôzơ trong máu tăng.

C. Gan 🡪 Tuyến tuỵ 🡪 Glucagôn 🡪 Glicôgen 🡪 Glucôzơ trong máu tăng.

D. Tuyến tuỵ 🡪 Gan 🡪 Glucagôn 🡪 Glicôgen 🡪 Glucôzơ trong máu tăng.

**Câu 29.** Cho các nhận định sau:

1. Khi áp suất thẩm thấu trong máu tăng cao thận tăng cường tái hấp thu nước trả về máu để cân bằng áp suất thẩm thấu.

2. Cân bằng nội môi là: Duy trì sự ổn định của môi trường trong tế bào.

3. Bộ phận thực hiện trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi có chức năng: điều khiển hoạt động của các cơ quan bằng cách gửi đi các tín hiệu thần kinh hoặc hoocmôn.

4. Trung ương thần kinh là bộ phận thực hiện trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi.

Có bao nhiêu nhận định **sai**?A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

**Câu 30:** Hướng động là hình thức phản ứng của

A. một bộ phận của cây trước tác nhân kích thích theo nhiều hướng.

B. cây trước tác nhân kích thích theo một hướng xác định.

C. một bộ phận của cây truớc tác nhân kích thích theo một hướng xác định.

D. cây truớc tác nhân kích thích theo nhiều hướng.